

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST.
Ngày 17-9-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bon.

Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019, đối với:

- *Bị cáo:* Bùi Thị M, tên gọi khác: không có, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1983, nơi sinh Tiền Giang, nơi cư trú: số nhà 350/4, ấp X, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B và bà N; bị cáo có chồng tên Đ, bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh ngày 26 tháng 8 năm 2016; tiền sự: không, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 đến ngày 06 tháng 8 năm 2019, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1977, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 96/4, ấp 4, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 28 tháng 3 năm 2019, bị cáo Bùi Thị M đến làm thuê tại vườn thanh long của ông L thuộc ấp 2, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, trong lúc đang tưới nước cho cây thanh long thì bị cáo M nảy sinh ý định vào nhà bà Nguyễn Ngọc S (gần vườn thanh long của ông L) để trộm cắp tài sản, bị cáo M bỏ ống tưới nước xuống đất và đi vào nhà bà S, chui qua lỗ vách lá gần cửa nhà sau để vào bên trong nhà, bị cáo lục tìm tài sản và lấy được 01 dây chuyền vàng có mặt hình trái tim tại học bên trái bàn máy may. Sau đó, bị cáo M đi vào buồng ngủ để lục tìm tài sản thì bị bà S phát hiện và bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An kết luận: Giá trị định giá 01 sợi dây chuyền vàng 18K-600 có trọng lượng là 2,3 chỉ có giá trị là 5.520.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, bị cáo M còn khai nhận đã nhiều lần trộm cắp tài sản tại nhà bà Nguyễn Ngọc S như sau:

Lần thứ 1: Khoảng 15 giờ ngày 22 tháng 11 năm 2018, bị cáo M đang làm thuê tại vườn thanh long của ông L, bị cáo nhìn thấy nhà bà S đóng cửa nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo M đến cửa nhà sau, chui qua vách lá để vào bên trong nhà bà S, bị cáo đi vào buồng ngủ lục soát và lấy được số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) trong túi áo khoát của bà S, sau đó bị cáo đi ra khỏi nhà và tiếp tục làm thuê cho vườn thanh long của ông L.

Lần thứ 2: Vào khoảng tháng 8 năm 2018, bị cáo M vào nhà bà S lục soát và lấy trộm được số tiền là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để trong bóp, bóp được để trong học bàn trong nhà bà S.

Lần thứ 3: Vào khoảng 15 giờ ngày 09 tháng 02 năm 2019, bị cáo M đang làm thuê tại vườn thanh long của ông L, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo M đi đến nhà bà S, dùng tay xô cửa nhà sau để vào bên trong nhà, bị cáo lục soát tìm tài sản và chiếm đoạt được số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) trong hai cái bóp để trên đầu tủ lạnh.

Lần thứ 4: Vào tháng 02 năm 2019, bị cáo M vào nhà bà S để trộm tài sản nhưng không tìm được tài sản.

Lần thứ 5: Khoảng 15 giờ ngày 24 tháng 3 năm 2019, bị cáo M đang làm thuê tại vườn thanh long của ông L, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo đi đến nhà bà S, chui vào vách lá phía sau nhà bà S để vào bên trong nhà, bị cáo trộm được 01 vòng kim loại màu vàng, đính hạt màu xanh và 01 chiếc nhẫn màu vàng, bị cáo kiểm tra số tài sản trên và không thấy ký hiệu của tiệm vàng nên nghi ngờ là

vàng giả, bị cáo để tại nhà bị cáo và sau đó giao nộp lại cho Cơ quan điều tra 01 vòng kim loại màu vàng, bị cáo làm mất 01 chiếc nhẫn màu vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An kết luận: 01 vòng kim loại màu vàng, đính hột màu xanh, không phải là vàng, có giá trị là 00 đồng (không đồng), 01 nhẫn giả bằng kim loại có giá trị là 00 đồng (không đồng).

Vật chứng trong vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 dây chuyền vàng có mặt kiểu hình trái tim, đính hột màu trắng ở giữa và 01 vòng kim loại màu vàng, đính hột màu xanh. Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng cho bà S.

- Vật chứng, tài sản tạm giữ từ bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony, màu đen, loại Xperia, 01 đôi ủng bằng nhựa màu đỏ, 01 nón lá bọc vải màu tím vàng, 01 khăn trùm đầu màu đỏ vàng. Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng, tài sản tạm giữ nêu trên cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSCT ngày 05 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An truy tố bị cáo Bùi Thị M về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị M đã thành khẩn khai báo, thừa nhận bị cáo đã lén lút vào nhà bà S chiếm đoạt tài sản nhiều lần như cáo trạng đã nêu.

Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V trình bày ngoài các lần trên, nhà bà S và ông V còn bị mất tài sản 02 lần khác nhưng không khai báo với cơ quan có thẩm quyền:

Lần thứ nhất: Ngày 30 tháng 8 năm 2018, bà S bị mất số tiền là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng), số tiền này bà S để trong ngăn mát của tủ lạnh.

Lần thứ hai: Trong tháng 11 năm 2018, bà S bị mất số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), số tiền này bà S để trong cốp xe mô tô.

Bị cáo Bùi Thị M không thừa nhận đã thực hiện hai lần trộm này, chưa chứng minh được ai đã thực hiện 02 lần trộm này, nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V yêu cầu bị cáo Bùi Thị M bồi thường tổng số tiền là 45.400.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó có cả số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trong hai lần bị mất nhưng chưa chứng minh được do ai chiếm đoạt. Bị cáo Bùi Thị M đồng ý bồi thường số tiền 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm nghìn đồng) nhưng chưa bồi thường, không đồng ý bồi thường số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trong hai lần bị mất nhưng chưa chứng minh được do ai chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo Bùi Thị M về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Thị M với mức án tù từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền là 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Đối với số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) người bị hại bị mất nhưng chưa chứng minh được người chiếm đoạt, khi nào chứng minh được thì sẽ xử lý sau. Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Người bị hại bà S tranh luận: Số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) là do bị cáo trộm, vì bị cáo không biết chạy xe mô tô nên bị cáo chỉ lấy tiền trong cốp xe, nếu như bị cáo biết chạy xe thì chắc là bị cáo lấy luôn xe.

Bị cáo tranh luận với bà S: Bị cáo không có lấy số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) như bà S trình bày, ai lấy thì bị cáo không biết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Thị M phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2019, bị cáo Bùi Thị M lén lút vào nhà bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng 18K có trọng lượng là 2,3 chỉ có giá trị là 5.520.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng); ngày 22 tháng 11 năm 2018, bị cáo Bùi Thị M lén lút vào nhà bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V chiếm đoạt số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); ngày 09 tháng 02 năm 2019, bị cáo Bùi Thị M lén lút vào nhà bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V chiếm đoạt số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu

đồng), bị cáo Bùi Thị M lén lút chiếm đoạt tài sản với mục đích là có tiền dùng vào việc tiêu xài cá nhân, là bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, phạm tội hai lần trở lên. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại của 03 lần phạm tội là 14.520.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An truy tố bị cáo Bùi Thị M với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo phạm tội 03 lần, do đó cần có hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Bị cáo đang nuôi con nhỏ (con nhỏ của bị cáo mới hơn 03 tuổi); bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên khi quyết định hình phạt căn cứ Điều 50 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt phải áp dụng; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để tuyên cho bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Ngoài 03 lần trộm cắp trên, bị cáo Bùi Thị M còn 03 lần khác vào nhà bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V để trộm cắp tài sản: Vào tháng 8 năm 2018, bị cáo trộm cắp được số tiền là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng); Tháng 02 năm 2019, bị cáo M vào nhà bà S để trộm tài sản nhưng không tìm được tài sản; Ngày 24 tháng 3 năm 2019, bị cáo trộm được 01 vòng kim loại giả vàng, đính hột màu xanh và 01 chiếc nhẫn kim loại giả vàng không có giá trị. Các lần trộm này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm do không đủ định lượng (định lượng là từ 2.000.000 đồng trở lên), các hành vi này chưa được xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi trộm cắp tài sản này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V yêu cầu bị cáo Bùi Thị M bồi thường tổng số tiền là 45.400.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trong hai lần người bị hại bị mất nhưng chưa chứng minh được do ai chiếm đoạt, nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền của 03 lần người bị hại bị mất là 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm nghìn đồng) đã chứng minh được do bị cáo Bùi Thị M chiếm đoạt, nên yêu cầu của người bị hại là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật

dân sự năm 2015 nên chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

[7] Vật chứng trong vụ án: Cơ quan Điều tra đã trả vật chứng cho chủ sở hữu, không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo nên chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn để giảm nhẹ cho bị cáo thêm một phần hình phạt.

[9] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 470.000 đồng (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V có yêu cầu bị cáo Bùi Thị M bồi thường số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trong hai lần người bị hại bị mất nhưng không được chấp nhận, vì chưa chứng minh được do ai chiếm đoạt, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ và xử lý sau, nên không tính án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận của bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Bùi Thị M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Bùi Thị M 01 (một) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Kiến nghị với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành tiến hành xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Bùi Thị M nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

3. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V, buộc bị cáo Bùi Thị M bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V số tiền 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi

do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V, về việc yêu cầu bị cáo Bùi Thị M bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 470.000 đồng (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng